Câu 1. Các mô hình phản ứng trong hệ thống nội tiết đặc biệt hiệu quả trong:

A. Phối hợp các hoạt động của tế bào, mô và cơ quan trên cơ sở lâu dài bền vững

B. Các phản ứng đặc hiệu ngắn và nhanh

C. Kiểm soát bệnh

D. Sự giải phóng của các chất trung gian hóa học thần kinh

[<br>]

Câu 2. Điều nào sau đây không đặc trưng cho quá trình kiểm soát nội tiết

A. Thời kỳ dậy thì

B. Thời kỳ mang thai

C. Duy trì khả năng sinh sản ở nữ giới đến khi mãn kinh

D. Sự co thắt của cơ đồng tử khi ánh sáng chiếu vào mắt

[<br>]

Câu 3. Sự giải phóng hormone từ tế bào nội tiết làm thay đổi:

A. Tốc độ giải phóng các chất dẫn truyền thần kinh hóa học

B. Các hoạt động chuyển hóa của nhiều mô và cơ quan cùng lúc

C. Sự phản ứng đặc hiệu với kích thích môi trường

D. Ranh giới giải phẫu giữa hệ thống thần kinh và nội tiết

[<br>]

Câu 4. Các hormone amin hữu cơ bao gồm:

A. Androgen, estrogen, cortiocosteroid và calcitriol

B. Oxytocin, ADH, GH và prolactin

C. Leukotrien, prostaglandin, thromboxane

D. E, NE, dopamine, melatonin và hormone tuyến giáp

[<br>]

Câu 5. Hormone nào dưới đây không được phân loại là hormone dẫn xuất acid amin?

A. Thyroxine

B. Melatonin

C. LH

D. Eicosanoid

[<br>]

Câu 6. Một hormone kích thích giải phóng calci và tương tác với calmodulin:

A. Là PTH

B. Sẽ gắn với mitochondri bên trong tế bào

C. Sẽ vượt qua màng tế bào nhờ bản chất là lipid

D. Sẽ kích hoạt các enzyme trong tế bào chất

[<br>]

Câu 7. Hormone nào dưới đây được bài tiết bởi tuyến yên và kiểm soát sự sản xuất melanin trong quá trình phát triển của thai nhi, trẻ nhỏ, phụ nữ mang thai và một số tình trạng bệnh lý?

A. Oxytocin

B. MSH

C. Melatonin

D. LH

[<br>]

Câu 8. Vùng dưới đồi là trung tâm điều phối và kiểm soát chủ yếu bởi vì:

A. Bao gồm các trung tâm tự động và hoạt động như một cơ quan nội tiết

B. Kích thích các phản ứng thích hợp ở các tế bào đích ngoại vi

C. Kích thích phản ứng khôi phục thăng bằng nội môi

D. Khởi phát các phản xạ nội tiết và thần kinh

[<br>]

Câu 11. Hormone được tổng hợp từ các phân tử của chất dẫn truyền thần kinh serotonin ở tuyến tùng là:

A. Pinealtonin

B. MSH

C. Oxytocin

D. Melatonin

[<br>]

Câu 13. Tuyến giáp bao quanh mặt trước khi quả đến bên dưới của:

A. Xương ức

B. Sụn giáp

C. Xương bả vai và xương đòn

D. Phần lưng động mạch chủ lên

[<br>]

Câu 14. Điều nào sau đây KHÔNG là tác dụng của hormone tuyến giáp trên mô ngoại vi?

A. Sự kích thích sự tạo thành hồng cầu

B. Sự trưởng thành của bạch cầu

C. Tăng nhịp tin và lực co bóp

D. Tăng mức độ tiêu thụ oxy và năng lượng

[<br>]

Câu 15. Suy giáp, phù cứng và bướu cổ có thể là hậu quả của việc thiếu:

A. Natri và calci

B. Iod trong chế độ ăn

C. Muối trong chế độ ăn

D. Magne và kẽm

[<br>]

Câu 16. Hai cặp tuyến cận giáp nằm trong:

A. Mặt bên sụn giáp

B. Mặt sau tuyến giáp

C. Mặt trước tuyến giáp

D. Mặt trước sụn giáp

[<br>]

Câu 17. Sự bài tiết nội tiết từ khu vực nào sau đây của tuyến thượng thận làm tăng nồng độ Na+ được giữ lại tại thận?

A. Vùng bó

B. Vùng cầu

C. Tủy thượng thận

D. Vùng lưới

[<br>]

Câu 18. Các hormone được giải phóng từ tủy thượng thận là

A. Epinephrine và norepinephrine

B. Cortisol và corticosterone

C. Aldosterone và androgen

D. Mineralcorticoid và Glucocorticoid

[<br>]

Câu 19. Sự sản xuất glucocorticoid bất thường bởi tuyến thượng thận dẫn đến

A. Rối loạn cảm xúc theo mùa

B. Bệnh Addison và bệnh Cushing

C. Hội chứng thượng thận sinh dục và chứng vú to ở nam

D. Thiếu hoặc thừa aldosterole

[<br>]

Câu 20. Điều nào dưới đây KHÔNG đúng về tuyến tùng?

A. Bài tiết androgen cùng với tuyến sinh dục

B. Giữ vai trò quan trọng trong duy trì nhịp sinh dục, hoặc chu kỳ ngày đêm của mỗi cá thể

C. Sản xuất melatonin

D. Được tìm thấy ở trung não

[<br>]

Câu 21. Tuyến tụy nằm trong vòng hình J giữa dạ dày và ruột non trong:

A. Khoang ngực

B. Khoang bụng chậu

C. Khoang chậu

D. Khoang sọ

[<br>]

Câu 22. Các hormone sản xuất bởi đảo tụy tham gia điều hòa nồng độ glucose là

A. Calcitonin và calcitriol

B. Cortisol và androgen

C. Leptin và resistin

D. Insulin và glucagon

[<br>]

Câu 23. Một tình trạng bệnh lý thường gặp liên quan đến đái tháo đường là:

A. Huyết áp thấp

B. Rối loạn thần kinh

C. Yếu cơ

D. Mất thị lực một phần hay hoàn toàn

[<br>]

Câu 24. Một tác dụng chính của ANP do tim sản xuất là:

A. Làm giảm khát

B. Kích thích giữ nước thận

C. Hỗ trợ sản xuất hồng cầu

D. Co mạch ngoại vi

[<br>]

Câu 25. Hormone nào giải phóng từ mô mỡ làm các tế bào sinh dưỡng trở nên kém đáp ứng với insulin?

A. Glucagon

B. Leptin

C. Resistin

D. Aldosterone

[<br>]

Câu 26. Tác dụng cộng gộp của GH và glucocorticoid minh họa cho

A. Tác dụng đối kháng

B. Tác dụng tích hợp

C. Tác dụng thuận hóa

D. Tác dụng hiệp đồng

[<br>]

Câu 27. Các tác dụng khác nhau nhưng bổ sung cho nhau của calcitriol và PTH lên mô trong quá trình chuyển hoá calci minh họa cho:

A. Tác dụng tích hợp

B. Tác dụng cộng gộp

C. Tác dụng đối kháng

D. Tác dụng thuận hóa

[<br>]

Câu 28. Insulin quan trọng cho sự phát triển bình thường do thúc đẩy:

A. Cung cấp lượng năng lượng và chất dinh dưỡng phù hợp để phát triển tế bào

B. Hấp thu muối calci để bồi đắp xương

C. Sự phát triển bình thường của hệ thần kinh

*D.* Tất cả các ý trên

[<br>]

Câu 29. Trong nỗ lực khôi phục nhiệt độ cơ thể bình thường sau hạ thân nhiệt, việc điều chỉnh thăng bằng nội môi đòi hỏi:

A. Sự huy động nguồn dự trữ glucose

B. Tăng nhịp tim và tần số hô hấp

C. Duy trì lượng muối và nước trong cơ thể

D. Run hoặc thay đổi đường đi dòng máu

[<br>]

Câu 30. Ở trẻ em, khi hormone sinh dục được sản xuất sớm, những thay đổi hành vi rõ ràng xảy ra ở trẻ:

A. Thờ ơ và ngoan ngoãn

B. Thừa cân và bất mãn

C. Hung hăng và quyết đoán

D. Thoái lui và chậm phát triển

[<br>]

Câu 31. Hormone bài tiết một lượng lớn bởi tuyến giáp là:

A. Thyroxine

B. Thyroglobulin

C. Calcitonin

D. Triiodothyronine

[<br>]

Câu 32. Các tế bào chuyên biệt ở tuyến cận giáp tiết PTH là:

A. Các tế bào chính

B. Các tế bào của phần xa tuyến

C. Các tế bào biểu mô nang

D. Các tế bào C

[<br>]

Câu 33. Các hormone đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển bình thường bao gồm:

A. ADH, AVP, E, NE, PTH

B. GH, hormone tuyến giáp, insulin, PTH, hormone sinh sản

C. TSH, ACTH, insulin, PTH, LH

D. Mineralcorticoid, glucocorticoid, ACTH, LH, insulin

[<br>]

Câu 34. Thay đổi chức năng mạnh mẽ nhất xảy ra trong hệ nội tiết do sự lão hóa là:

A. Giảm nồng độ ADH và TSH trong máu và mô

B. Giảm toàn bộ nồng độ hormone lưu hành trong máu

C. Giảm nồng độ hormone sinh sản

*D*. Tất cả những ý trên

[<br>]

Câu 35. Tất cả những hormone được bài tiết từ vùng dưới đồi, tuyến yên, tim, thận, tuyến ức, ống tiêu hóa và tụy là:

A. Catecholamine

B. Hormone peptide

C. Hormone steroid

D. Dẫn xuất acid amin

[<br>]

Câu 36. Sự gắn của hormone peptid vào receptor khởi phát một chuỗi các hiện tượng hóa sinh làm thay đổi quá trình:

A. Hoạt động enzyme trong tế bào

B. Khuếch tán qua lớp lipid màng tế bào

C. Giải phóng ion Ca2+ hoặc nhập bào

D. Phiên mã RNA trong nhân

[<br>]

Câu 37. Vùng dưới đồi có ảnh hưởng mạnh mẽ đến chức năng nội tiết thông qua việc bài tiết:

A. Chất dẫn truyền thần kinh tham gia vào các hoạt động phản xạ

B. Thùy trước và sau tuyến yên

C. Giải phóng và ức chế hormone

*D.* Tất cả những ý trên

[<br>]

Câu 38. Tế bào nội tiết tuyến yên bị kích thích bởi sự giải phóng hormone thường là:

A. Không bị ảnh hưởng bởi hormone ngoại vi mà nó kiểm soát

B. Cũng bị kích thích bởi hormone ngoại vi mà nó kiểm soát

C. Bị kích thích hoặc ức chế bởi hormone ngoại vi mà nó kiểm soát

D. Bị ức chế bởi hormone ngoại vi mà nó kiểm soát

[<br>]

Câu 39. Cấu trúc nào dưới đây của tụy bài tiết ra một lượng lớn dung dịch kiềm giàu enzyme được dung để tiêu hóa thức ăn trong tá tràng?

A. Nang tụy

B. Tế bào delta

C. Đảo tụy

D. Tế bào alpha

[<br>]

Câu 40. Tình trạng nào sau đây không kích thích giải phóng renin từ thận?

A. Giảm lưu lượng máu thận

B. Kích thích phó giao cảm

C. Kích thích giao cảm

D. Các ý trên đều sai

[<br>]

Câu 41. Hormone glycoprotein FSH ở nam có vai trò:

A. Tạo tinh trùng và bài tiết testosterone

B. Sự trưởng thành các tế bào mầm trong hệ sinh dục

C. Cơ thể nam không bài tiết FSH

D. Sản xuất tế bào kẽ ở nam

[<br>]

Câu 42. Hormone protein prolactin tham gia vào:

A. Sản xuất sữa

B. Sản xuất testosterone

C. Co bóp khi đẻ và bài xuất sữa

D. Tổng hợp melanin

[<br>]

Câu 43. Hormone dẫn xuất acid amin epinephrine có vai trof:

A. Giải phóng lipid từ mô mỡ

B. Phân cắt glycogen

C. Tăng hoạt động tim

*D.* Tất cả các ý trên

[<br>]

Câu 44. Sự bài tiết từ vùng nào sau đây của vỏ thượng thận có thể gây bệnh Cushing?

A. Vùng cầu

B. Vùng lưới

C. Vùng bó

D. Tủy thượng thận

[<br>]

Câu 45. Corticosteroid là hormone được sản xuất và bài tiết từ:

A. Vỏ não bán cầu đại não

B. Vỏ thượng thận

C. Vỏ não chi phối cảm giác xúc giác

D. Tủy thượng thận

[<br>]

Câu 46. Chức năng nội tiết của thận và tim bao gồm sản xuất và bài tiết các hormone:

A. Insulin và glucagon

B. Epinephrine và norepinephrine

C. Erythropoietin và ANP

D. Renin và angiotensinogen

[<br>]

Câu 47. Hệ sinh dục nam sản xuất các hormone:

A. FSH và ICSH

B. Inhibin và testosterone

C. LH và ICSH

D. Các ý trên đều đúng

[<br>]

Câu 48. Mô nội tiết của hệ sinh dục nữ sản xuất:

A. Estrogen, inhibin và progesterone

B. Androgen và estrogen

C. FSH và LH

D. Các ý trên đều đúng

[<br>]

Câu 49. Rối loạn nội tiết nào sau đây **KHÔNG** đặc trưng cho rối loạn liên quan đến GH?

A. Hội chứng Marfan

B. Bệnh khổng lồ

C. To viễn cực

D. Lùn tuyến yên

[<br>]

Câu 50. Ở người trưởng thành, sự thay đổi trong hỗn hợp các hormone chi phối hệ thần kinh trung ương có tác dụng đáng kể lên:

A. Trí nhớ và học tập

B. Trạng thái cảm xúc

C. Khả năng trí tuệ

D. Các ý trên đều đúng